

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG ĐỊNH
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HS-ST
Ngày: 07-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG ĐỊNH TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa Phiên tòa: Ông Lương Đình Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Bàn Thị Thanh.

Ông Nguyễn Văn Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trọng Hình - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2018 tại: Phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 01/2018/HSST ngày 18 tháng 01 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 02 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị L, sinh ngày 02 tháng 8 năm 1968 tại huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi sinh sống: Thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 5/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn T (Đã chết) và bà Nguyễn Thị Q (Đã chết); có chồng là Đỗ Văn Đ, sinh năm 1964 và có 04 con; tiền án: Không có; tiền sự: Có 01 tiền sự, ngày 22/11/2016 bị cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Không chấp hành án”; nhân thân: Tốt; bị cáo bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trảng Định từ ngày 10/11/2017 đến ngày 10/01/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại; có mặt.

2. Đỗ Văn Đ, sinh ngày 19 tháng 3 năm 1964 tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi sinh sống: Thôn K, xã T, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 6/10; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn N (Đã chết) và bà Nguyễn Thị L (Đã chết); có vợ là Nguyễn Thị L, sinh năm 1968

và có 04 con; tiền án: Không có; tiền sự: Có 01 tiền sự, ngày 22/11/2016 bị cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Không chấp hành án”; nhân thân: Tốt; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Đỗ Văn T1, sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Anh Đỗ Trung N1, sinh năm 1995; địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Bà Đỗ Thị V, sinh năm 1956; địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

Chị Đỗ Thị X, sinh năm 1981 và anh Nông Xuân T2, sinh năm 1982; cùng địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ông Đỗ Văn N, sinh năm 1926, bà Hoàng Thị L, sinh năm 1926 kết hôn với nhau và sinh được 05 người con là Đỗ Ngọc T3, Đỗ Thị V, Đỗ Thị S, Đỗ Thị V1 và Đỗ Văn Đ, trong quá trình sinh sống, ông bà đã chia đất cho các con sử dụng, trong đó năm 1995 ông bà đã chia cho Đỗ Thị V thửa ruộng Nà Pồ thuộc thôn K, xã T, huyện T có diện tích 1.518,2m² và đã được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: E0027379, ngày 05/01/1995 mang tên Đỗ Thị V. Năm 2003 do không có nhu cầu canh tác nên bà V đã tạm thời để cho hai vợ chồng em trai ruột là Đỗ Văn Đ và Nguyễn Thị L canh tác. Đến năm 2012 bà V tiến hành kê khai để cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thấy vợ chồng Đ, L đã tự kê khai để cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất trên nên đã xảy ra tranh chấp, bà V yêu cầu vợ chồng Đ, L trả lại thửa ruộng trên nhưng hai vợ chồng Đ, L không trả. Do đó bà V đã làm đơn khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Trảng Định để giải quyết.

Ngày 22/9/2015, Tòa án nhân dân huyện Trảng Định đã mở phiên tòa dân sự xét xử sơ thẩm vụ án “Tranh chấp quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn Bà Đỗ Thị V và bị đơn Đỗ Văn Đ, người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn là Nguyễn Thị L (vợ ông Đ) và ra Bản án số 06/2015/DS-ST. Tại Bản án đã Quyết định: Buộc ông Đỗ Văn Đ và bà Nguyễn Thị L trả lại thửa ruộng số 257 có diện tích 1.518,2m² tại địa danh Nà Pồ thuộc thôn K, xã T, giao cho bà Đỗ Thị V tiếp tục quản lý và sử dụng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Định đã yêu cầu ông Đỗ Văn Đ và Nguyễn Thị L trả lại thửa ruộng đang tranh chấp cho bà Đỗ Thị V nhưng ông Đ, bà L không chấp hành mà còn chửi bới, lăng mạ cán bộ thi hành nhiệm vụ. Ngày 15/6/2017 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Định đã phối hợp với chính quyền địa phương xã T tiến hành giao đất cho bà V và mời Đỗ Văn Đ, Nguyễn Thị L đến để giải quyết nhưng Đ, L không chấp hành, không ký nhận giấy tờ và không hợp tác về việc bàn giao đất. Khi cơ quan chức năng tiến hành cấm, đặt 04 cột mốc làm ranh giới với ruộng Đ, L nhưng ngày 06/7/2016 Đ và L đã có hành vi nhổ các cột mốc ranh giới do cơ quan chức năng đã cấm, đặt. Hành vi nhổ cột mốc giới này đã bị Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Định đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 01/QĐ-CCTHADS, ngày 22/11/2016 với mức phạt 500.000 đồng đối với Đỗ Văn Đ và Nguyễn Thị L về hành vi không chấp hành bản án nhưng Đ, L vẫn không thi hành để nhằm mục đích chiếm giữ ruộng đất và tiếp tục canh tác không trả ruộng cho bà V. Do vậy ngày 06/12/2016, Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Định đã phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định; Phòng tài chính kế hoạch huyện Trảng Định; Phòng tài nguyên môi trường huyện Trảng Định và chính quyền xã T tiến hành cưỡng chế buộc Đỗ Văn Đ và Nguyễn Thị L để giao thửa ruộng Nà Pồ cho bà Đỗ Thị V quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật, đồng thời bà V đã trồng rau lang trên thửa ruộng đó. Đến ngày 21/01/2017, Đỗ Văn Đ, Nguyễn Thị L cùng con trai là Đỗ Trung N1 đã đưa máy cày phá ruộng rau lang do bà V trồng để sử dụng, canh tác trồng đỗ và trồng lúa cho đến khi khởi tố vụ án.

Sau khi vụ án được khởi tố thì gia đình Đỗ Văn Đ đã tự nguyện giao trả lại thửa ruộng Nà Pồ có diện tích 1.518m² cho gia đình bà Đỗ Thị V quản lý, sử dụng và thi hành các khoản tiền án phí dân sự sơ thẩm; chi phí cưỡng chế Thi hành án tại cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Định; Tiền phạt vi phạm hành chính vào Kho bạc Nhà nước huyện Trảng Định.

Tại Cáo trạng số 06/KSĐT ngày 17/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn, truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn để xét xử đối với Nguyễn Thị L và Đỗ Văn Đ về tội “Không chấp hành án” theo quy định tại khoản 1 Điều 380 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phần tranh luận Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L và Đỗ Văn Đ phạm tội “Không chấp hành án” theo b khoản 1 Điều 380; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 65 của bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L từ 06 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 1 năm đến 2 năm và Đỗ Văn Đ từ 06 tháng đến 09 tháng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 1 năm đến 1 năm 06 tháng. Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung.

Các bị cáo không tranh luận, đều thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trảng Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Năm 2012, bà Đỗ Thị V và vợ chồng ông Đỗ Văn Đ, Nguyễn Thị L có xảy ra tranh chấp thửa ruộng Nà Pồ số 257 có diện tích 1.518,2m² thuộc thôn K, xã T, huyện T và được Toà án nhân dân huyện Trảng Định giải quyết. Toà án nhân dân huyện Trảng Định đã xét xử và ra Bản án số: 06/2015/DS-ST, ngày 22/9/2015 buộc ông Đỗ Văn Đ và bà Nguyễn Thị L trả lại thửa ruộng số 257 có diện tích 1.518,2m² cho bà Đỗ Thị V tiếp tục quản lý và sử dụng. Sau khi bản án có hiệu lực, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Định đã tiến hành bàn giao thửa ruộng cho bà V nhưng vợ chồng Đ, L không chấp hành, không hợp tác mà còn có hành vi phá dỡ nhổ mốc giới thửa ruộng mục đích để tiếp tục canh tác. Với hành vi này, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Định phải ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi không chấp hành bản án nhưng vợ chồng Đ, L vẫn không chấp hành. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Định đã phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức cưỡng chế để bàn giao thửa ruộng cho bà Đỗ Thị V. Tuy nhiên sau khi cưỡng chế vợ chồng Đ, L vẫn tiếp tục canh tác không cho bà V sử dụng cho đến khi bị khởi tố vụ án. Hành vi các bị cáo thực hiện các ngày 06/7/2016 và bị Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn ra quyết định xử phạt hành chính nhưng các bị cáo vẫn cố tình không chấp hành mà đến ngày 21/01/2017, ngày 10/02/2017 các bị cáo lại tiếp tục lấy máy cày chiếm giữ đất tranh chấp không chịu chấp hành theo bản án đã có hiệu lực pháp luật là đã phạm tội “Không chấp hành án” được quy định tại khoản 1 Điều 304 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và theo điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 ... Thấy khoản 1 Điều 380 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định mức hình phạt nhẹ hơn quy định tại khoản 1 Điều 304 của Bộ luật Hình sự năm 1999, do đó, cần áp dụng khoản 1 Điều 380 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để xử phạt các bị cáo. Nhận thấy Cáo trạng truy tố các bị cáo về tội “Không chấp hành án” là đúng người, đúng tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm việc hoạt động bình thường của cơ quan hoạt động tư pháp trong việc quản lý Nhà nước và thi hành pháp luật, gây dư luận xấu trong nhân dân, các bị cáo coi thường và không chấp hành pháp luật do vậy cần phải xử lý các bị cáo về hình sự đồng thời xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm khắc để răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Xét về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có. Xét về tình tiết giảm nhẹ: Thấy tại phiên toà và tại Cơ quan điều tra các bị cáo khai báo thành khẩn; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và các bị cáo đã nhận thức được lỗi lầm mà tự chấp hành xong các nghĩa vụ phải thi hành án đối với Nhà nước, do đó, được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Về nhân thân và hành vi phạm tội: Bị cáo là người đủ năng lực hành vi, là người dân lao động sống tại vùng nông thôn, hiểu biết pháp luật còn hạn chế, nên cần xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, để giáo dục các bị cáo trở thành người công dân tốt và có ích cho xã hội. Về hình phạt bổ sung: Thấy các bị cáo là người dân lao động nông nghiệp có ruộng, vườn đều để canh tác sinh sống chung cho hộ gia đình, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[4] Về vật chứng: Không có.

[5] Đối với Đỗ Văn T1 và Đỗ Trung N1 (Là con đẻ của Đỗ Văn Đ và Nguyễn Thị L) được hộ bố mẹ đi tháo dỡ các cột mốc giới và cày sỏi thửa ruộng đang trồng rau lang của bà V để trồng đỗ. Do T1 và N1 thực hiện theo sự chỉ bảo của Nguyễn Thị L, việc T1 và N1 thực hiện không có sự bàn bạc thống nhất trong việc không chấp hành Bản án số: 06/2015/DS-ST, ngày 22/9/2015 mà là bột phát thực hiện. Do vậy hành vi của T1 và N1 không có căn cứ để xử lý về hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 380 và điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị L phạm tội “Không chấp hành án”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam để thi hành án, được trừ đi 02 tháng đã tạm giam là từ ngày 10/11/2017 đến ngày 10/01/2018.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 380 và điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn Đ phạm tội “Không chấp hành án”. Xử phạt bị cáo Đỗ Văn Đ 03 (ba) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 năm tính từ ngày tuyên án, giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn phối hợp cùng gia đình bị cáo giám sát, giáo dục và bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Việc xử lý vật chứng: Không có.

Về án phí hình sự sơ thẩm:

Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và

sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Buộc bị cáo Nguyễn Thị L, Đỗ Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo những vấn đề liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Tràng Định;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn
(Khi án có hiệu lực pháp luật);
- Công an huyện Tràng Định;
- Chi cục THADS huyện Tràng Định;
- UNND xã T;
- Các Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lương Đình Phương